TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Ông Đỗ Thanh Đình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 21 đường số 02 KPLV-399 NQ, phường AHB, quận ST, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1973, địa chỉ: Công ty Cổ phần LhdBS - Số 208 đường HV, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-3-2019, bản tự khai ngày 15-6-2019, biên bản hòa giải ngày 18-6-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NĐ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội vào ngày 07-02-2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng sống xa nhau nên không chia sẻ mọi việc với nhau dẫn đến thường xuyên cãi vả, tình cảm giữa vợ chồng đã 10 năm qua không hàn gắn được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Q, sinh ngày 15-11-2002 và cháu Phạm Thu T, sinh ngày 19-10-2006, hiện nay cháu T đang ở với ba mẹ, còn cháu Q đang du học tại Canada, khi ly hôn bà yêu cầu giao cháu Q cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu T giao cho bà chăm sóc,

nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà là nhân viên của Công ty thiết bị HH chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 28-5-2019, biên bản hòa giải ngày 18-6-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn, lý do ông vẫn còn tình cảm và rất thương yêu vợ con, ông mong được đoàn tụ với gia đình, còn bà L cho rằng mâu thuẫn tình cảm giữa vợ chồng đã 10 năm là không đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, trong phần tranh tụng ông D đã đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Q, sinh ngày 15-11-2002 và cháu Phạm Thu T, sinh ngày 19-10-2006, khi ly hôn ông yêu cầu giao 02 cháu Q và cháu T cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi 02 con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, trong phần tranh tụng, ông yêu cầu khi ly hôn giao cháu T cho bà Lan chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Q giao cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Phạm Văn D. Về con chung: Giao cháu Phạm Hồng Q cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Phạm Thu T giao cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NĐ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội vào ngày 07-02-2002 là hợp pháp. Bà L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tình cảm giữa vợ chồng đã 10 năm qua không hàn gắn được và trong thời gian vừa qua ông D và bà L cũng không đoàn tụ được, nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Phạm Văn D. Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng ông D đã đồng ý ly hôn. Xét thấy, lý do yêu cầu ly hôn của bà L chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: Bà L và ông D có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Q, sinh ngày 15-11-2002 và cháu Phạm Thu T, sinh ngày 19-10-2006, hiện nay cháu Q, cháu T sức khỏe vẫn tốt. Bà L có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu T, còn ông D cũng có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu Q và khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu T ở với bà L, còn cháu Q có nguyện vọng ở với ông D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu T cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Q giao cho ông D chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Phạm Văn D.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn D có 02 con chung là Phạm Hồng Q, sinh ngày 15-11-2002 và cháu Phạm Thu T, sinh ngày 19-10-2006. Giao cháu Phạm Thu T cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, còn cháu Phạm Hồng Q giao cho ông Phạm Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2018/0001227 ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường NĐ, Q.ĐĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng